

BIDV (BID)

2Q2021, LNST tăng 85.0% YoY

Chuyên viên phân tích Tài chính & Công nghệ

Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

07/09/2021

2Q2021, LNST đạt 3,739 tỷ VND, tăng 85.0% YoY

2Q2021, BID có kết quả kinh doanh tăng trưởng tích cực giúp LNST đạt 3,739 tỷ VND (+39.2% QoQ, +85.0% YoY). Dư nợ cho vay khách hàng ghi nhận mức tăng trưởng tốt trong 2Q2021 (+5.2% QoQ, +13.3% YoY).

NIM 2Q2021 đạt 3.03%, tăng 16 bps QoQ

NIM 2Q2021 đạt 3.0% (+16 bps QoQ, +79 bps YoY) do: Lãi suất bình quân đầu ra tăng 6 bps YoY chủ yếu nhờ sự cải thiện lãi cho vay khách hàng; Chi phí vốn đầu vào tiếp tục giảm 10 bps theo xu hướng chung của toàn hệ thống ngân hàng.

Tỷ lệ nợ xấu 2Q2021 đạt 1.63%, tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 131.3%

Tỷ lệ nợ xấu 2Q2021 đạt 1.63%, giảm 13bps QoQ. Trong kì, BID đẩy mạnh trích lập 8,251 tỷ VND (+15.0% QoQ, +91.0% YoY), qua đó tăng tỷ lệ bao phủ nợ xấu lên 131.3% (+23.7% điểm QoQ). BID dự kiến sẽ trích lập khoảng 5 nghìn tỷ VND cho phần nợ tái cơ cấu này theo thông tư 03/2021.

Kỳ vọng tăng trưởng cao trong năm 2022

Chúng tôi dự báo LNST năm 2021 đạt 9,734 tỷ VND, tăng 34.8% YoY, điều chỉnh giảm 5.5% so với dự phóng cũ phản ánh ảnh hưởng của dịch Covid-19. Chúng tôi dự báo LNST năm 2022 đạt 13,832 tỷ VND, tăng 42.1% YoY phản ánh nhu cầu vay tăng mạnh sau dịch cùng chất lượng tài sản được cải thiện.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 46,400 VND/cp

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu BID. Giá mục tiêu là 46,400 VND/cp, cao hơn 18.6% so với giá tại ngày 06/09/2021.

Mua

Giá mục tiêu VND 46,400

Tăng/Giảm	18.6%
Giá hiện tại (06/09/2021)	VND 39,100
Giá mục tiêu thị trường	VND 34,600
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	157,260

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	4.01%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	128/5.4
Sở hữu nước ngoài (%)	17.15%
Cơ cấu cổ đông	Ngân hàng nhà nước (80.98%)

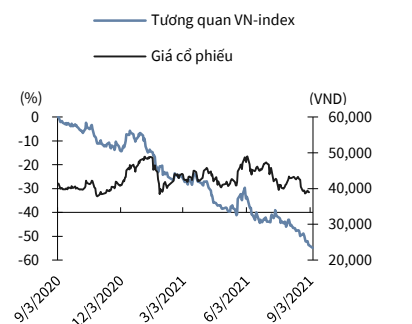
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-9	-13	-10	-6
Tương đối	-9	-11	-24	-55

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2019A	2020A	2021F	2022F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	35,978	35,797	40,836	44,763
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	30,864	32,344	38,303	42,066
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	8,368	6,997	9,686	13,763
EPS (VND)	2,081	1,740	2,148	2,837
Tăng trưởng EPS (%)	-3%	-16%	23%	32%
PER (x)	20.8	24.9	20.2	15.3
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	19,307	19,803	19,008	20,411
PBR (x)	2.24	2.19	2.28	2.12
ROE (%)	12.9%	9.2%	11.8%	15.0%
Tỷ lệ cổ tức (%)	1.85%	1.85%	1.85%	1.85%

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Hoạt động kinh doanh

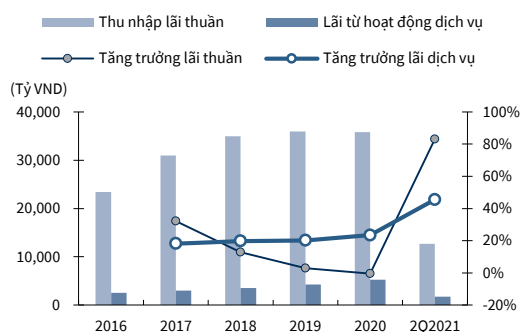
2Q2021, LNST đạt 3,739 tỷ VND, tăng 85.0% YoY

2Q2021, BID có kết quả kinh doanh tăng trưởng tích cực với thu nhập lãi thuần đạt 12,698 tỷ VND(+17.2% QoQ, +83% YoY); thu nhập ngoài lãi đạt 4,358 tỷ VND (+15.5% QoQ, +12.2% YoY) giúp TOI đạt 17,056 tỷ VND, tăng 16.8% QoQ, +57.6% YoY. CIR tiếp tục được cải thiện, đạt 23.9% (-370 bps QoQ) trong khi tỷ lệ trích lập/LN thuần trước trích lập ở mức thấp là 64% giúp lợi nhuận sau thuế đạt 3,739 tỷ VND (+39.2% QoQ, +85.0% YoY). Dư nợ cho vay khách hàng ghi nhận mức tăng trưởng tốt trong 2Q2021 (+5.2% QoQ, +13.3% YoY).

NIM 2Q2021 đạt 3.03%, tăng 16 bps QoQ

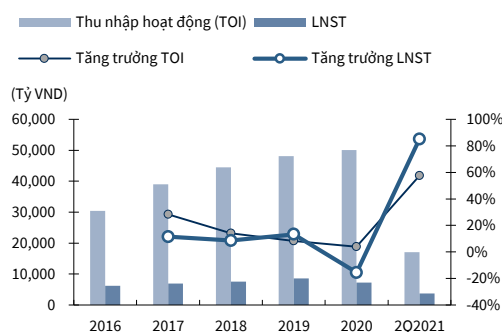
NIM 2Q2021 đạt 3.0% (+16 bps QoQ, +79 bps YoY) do: Lãi suất bình quân đầu ra tăng nhẹ 6 bps YoY chủ yếu nhờ sự cải thiện lãi cho vay khách hàng; Chi phí vốn đầu vào tiếp tục giảm 10 bps theo xu hướng chung của toàn hệ thống ngân hàng.

Biểu đồ 1. Tăng trưởng thu nhập lãi thuần và lãi từ hoạt động dịch vụ 2016-2Q2021 (YoY)



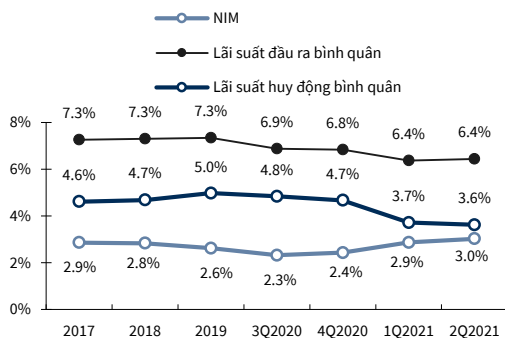
Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 2. Tăng trưởng thu nhập hoạt động và LNST 2016-2Q2021 (YoY)



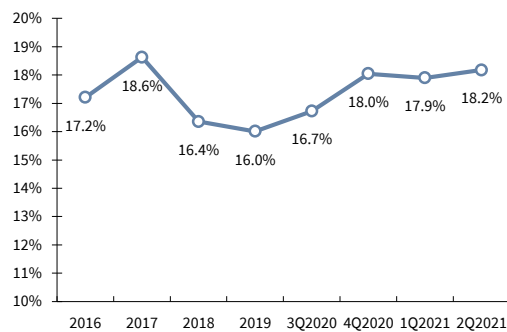
Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 3. Biến động lãi suất – NIM giai đoạn 2017-2Q2021



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 4. Tỷ lệ CASA của BID giai đoạn 2016 – 2Q2021



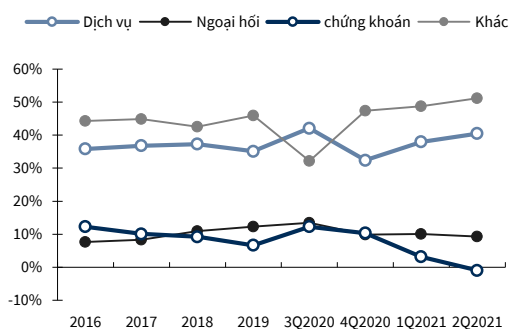
Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

NOII 2Q2021 đạt 4,359 tỷ VND, tăng 12.2% YoY

Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ tăng duy trì mức tăng ấn tượng, đạt 45.5% YoY; lãi từ hoạt động FX tăng nhẹ 1.9% YoY trong khi lãi từ hoạt động đầu tư – kinh doanh chứng khoán đạt -40 tỷ VND và thu nhập từ hoạt động khác đạt 2,161 tỷ VND, tăng mạnh 75.6% YoY nhờ đẩy mạnh thu hồi nợ đã trích lập dự phòng

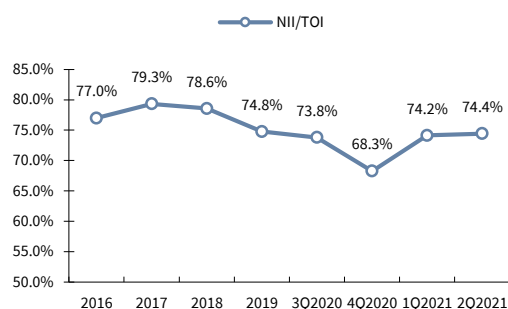
giúp NOII 2Q2021 đạt 4,359 tỷ VND, tăng 12.2% YoY. NII/TOI đạt 74.4%, không có nhiều thay đổi so với quý trước.

Biểu đồ 5. Cơ cấu thu nhập ngoài lãi 2016-2Q2021



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

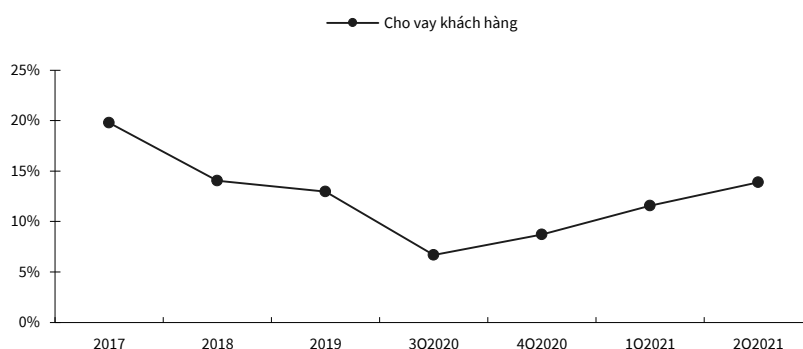
Biểu đồ 6. Tỷ lệ thu nhập lãi thuần/thu nhập hoạt động 2016-2Q2021



Nguồn: Báo cáo công ty, KB Securities Vietnam

Tăng trưởng dư nợ cho vay khách hàng của BID sau khi có phần trùng xuống trong 3 quý đầu năm 2020 do ảnh hưởng của dịch Covid-19 đã có tín hiệu hồi phục mạnh mẽ trong giai đoạn phục hồi sau khi dịch được kiểm soát tốt.

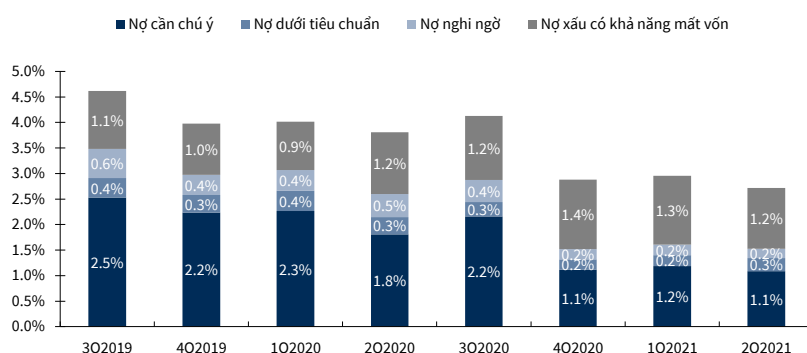
Biểu đồ 7. Tăng trưởng cho vay khách hàng 2017-2021 (YoY)



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Tỷ lệ nợ xấu đạt 1.63% giảm 13 bps QoQ. Dự kiến trích lập 5 nghìn tỷ VND cho phần nợ tái cơ cấu theo thông tư 03/2021

Tỷ lệ nợ xấu 2Q2021 đạt 1.63%, giảm 13bps QoQ trong đó nợ nhóm 2 giảm 10bps QoQ, nợ nhóm 5 giảm 15bps QoQ. Trong kì, BID đẩy mạnh trích lập 8,251 tỷ VND (+15.0% QoQ, +91.0% YoY), qua đó tăng tỷ lệ bao phủ nợ xấu lên 131.3% (+23.7% điểm QoQ), tương đương mức trung bình của hệ thống ngân hàng. Tính đến đầu tháng 8/2021, dư nợ tái cơ cấu đạt khoảng 13,400 nghìn tỷ VND, giảm mạnh so với mức 23.2 nghìn tỷ VND cuối 1Q2021. BID dự kiến sẽ trích lập khoảng 5 nghìn tỷ VND cho phần nợ tái cơ cấu này theo thông tư 03/2021.

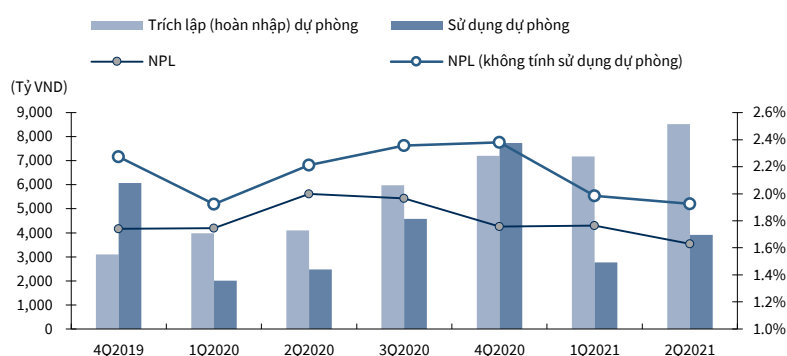
Biểu đồ 10. Cơ cấu nợ xấu & nợ cần chú ý của BID giai đoạn 2019-2Q2021

Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 11. NPL – trích lập dự phòng 2Q2019 – 2Q2021

BID thực hiện trích lập dự phòng ở mức cao so với các quý gần đây

Chất lượng tài sản được cải thiện trong 2Q2021 với NPL giảm mạnh dù không sử dụng quá nhiều nguồn dự phòng để xử lý nợ

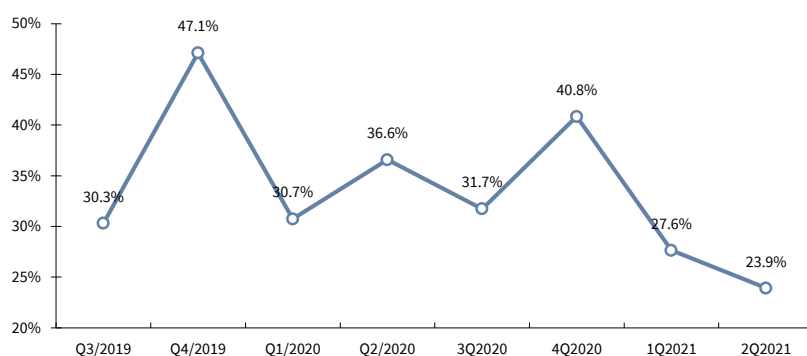


Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 12. Tỷ lệ CIR của BID giai đoạn 2016-2Q2021

CIR 2Q2021 đạt 23.9%, giảm 12.7% điểm YoY giúp lợi nhuận thuần trước dự phòng tăng 89.0% YoY.

Tỷ lệ CIR các quý sau nhiều khả năng khó duy trì ở mức này do BID thường có chi phí hoạt động cao trong nửa cuối năm.



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Kết quả 2Q2021 hiện đang bám khá sát kế hoạch 2021

Kết thúc 2Q2021, BID đã hoàn thành 62% kế hoạch LNTT là 13,000 tỷ cho năm 2021. Bức tranh lợi nhuận 6 tháng cuối năm sẽ gặp nhiều khó khăn hơn khi: (1) Làn sóng thứ 4 của dịch Covid-19 ảnh hưởng nặng nề tới nền kinh tế tác động xấu tới chất lượng tài sản của BID, khả năng cao phải đẩy mạnh trích lập dự phòng trong nửa cuối năm; (2) BID công bố gói vay ưu đãi cho khách hàng ảnh hưởng bởi dịch áp dụng từ 15/07/2021 đến 31/12/2021, dự kiến sẽ khiến thu nhập lãi sẽ giảm khoảng 3.6 nghìn tỷ VND.

Tuy nhiên, với giả định cơ sở dịch sẽ được kiểm soát tốt trong 4Q2021 cùng với việc BID đã đẩy mạnh trích lập dự phòng trong 1H2021, chúng tôi đánh giá cao khả năng BID có thể hoàn thành tương đối kế hoạch kinh doanh 2021. Cùng với đó, chúng tôi kỳ vọng BID sẽ có tăng trưởng khởi sắc trong năm 2022 với nhu cầu tín dụng tăng từ nền kinh tế cũng như lực đẩy từ việc tăng vốn.

Kế hoạch tăng vốn lên 48.5 nghìn tỷ VND vẫn đang diễn ra theo đúng lộ trình

Kế hoạch phát hành tăng vốn thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu dự kiến vẫn sẽ được thực hiện vào nửa sau của năm 2021, hiện tại BID đã gửi trình lên NHNN. Đối với việc phát hành riêng lẻ mới 341 triệu cổ phiếu cho đối tác chiến lược, BID đang trong thời gian tìm kiếm đối tác, kỳ vọng có thể hoàn thành trong năm 2022. Trong trước hợp phát hành thành công, CAR của BIDV sẽ được cải thiện, đảm bảo cho câu chuyện tăng trưởng tín dụng cho các năm tới.

Dự phóng kết quả kinh doanh

Dự phóng kết quả kinh doanh năm 2021

Chúng tôi đưa ra dự phóng cho BID trong năm 2021 như sau:

- Dự phóng tăng trưởng tín dụng đạt 11.0% trong năm 2021 khi các doanh nghiệp đẩy mạnh vay nợ để hồi phục sau dịch Covid-19
- Chúng tôi ước tính NIM 2021 tăng 23 bps YoY, đạt 2.66%
- Dự phóng NPL đạt 1.8%, giữ nguyên so với dự phóng cũ nhờ tỷ lệ nợ tái cơ cấu theo thông tư 01/2020 giảm và BID cũng đã đẩy mạnh tăng cường bộ đệm dự phòng.
- Chi phí trích lập dự phòng dự kiến đạt 26,135 tỷ VND, tăng 5.5% so với dự phóng cũ phản ánh rủi ro từ các yếu tố dịch bệnh.
- Chúng tôi dự báo LNST năm 2021 đạt 9,734 tỷ VND, tăng 34.8% YoY, điều chỉnh giảm 5.5% so với dự phóng cũ phản ánh ảnh hưởng của dịch Covid-19.
- Chúng tôi dự báo LNST năm 2022 đạt 13,832 tỷ VND, tăng 42.1% YoY phản ánh nhu cầu vay tăng mạnh sau dịch cùng chất lượng tài sản được cải thiện.

Bảng 12. Dự phóng KQKD 2021 -2022

	2020	2021F	2022F	% Yoy 2021	%YoY 2022
Thu nhập lãi thuần	35,797	40,836	44,763	14%	10%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	5,266	5,886	6,440	12%	9%
Tổng thu nhập hoạt động	50,037	55,511	60,965	11%	10%
Chi phí trích lập dự phòng	(23,318)	(26,135)	(24,776)	12%	-5%
Lợi nhuận sau thuế	7,224	9,734	13,832	34.8%	42.1%
NIM	2.43%	2.66%	2.70%	23bps	4bps
Lãi suất đầu ra bình quân	6.84%	6.53%	6.98%	-32bps	46bps
Lãi suất đầu vào bình quân	4.67%	3.97%	4.26%	-70bps	29bps
CIR	35.4%	31.0%	31.0%	-436bps	0bps
NPL	1.76%	1.80%	1.80%	4bps	0bps
Tổng tài sản	1,516,686	1,612,426	1,765,676	6%	10%
Vốn chủ sở hữu	79,647	85,724	99,017	8%	16%

Nguồn: KBSV

Định giá – Khuyến nghị MUA, giá 46,400 đồng/cổ phiếu

Chúng tôi kết hợp 2 phương pháp định giá là P/B và Chiết khấu lợi nhuận thặng dư để tìm ra mức giá hợp lý cho cổ phiếu BID.

(1) Phương pháp định giá P/B

Với kịch bản kiểm soát được dịch bệnh trong 4Q2021 cùng triển vọng tích cực trong năm 2022, chúng tôi đưa ra P/B mục tiêu của BID là 2.5x, tương đương độ lệch chuẩn +1 của trung bình P/B 5 năm của BID (Biểu đồ 13).

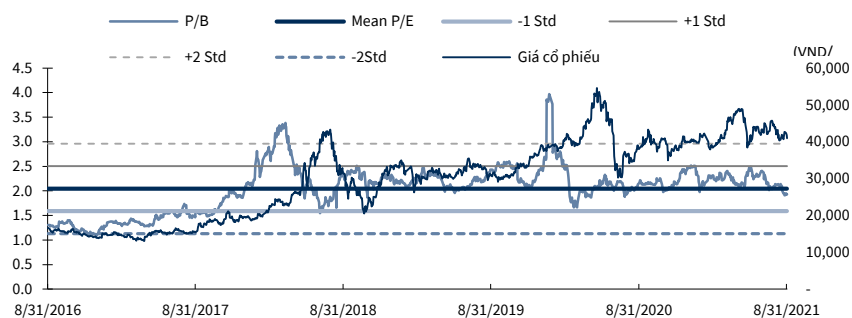
(2) Phương pháp chiết khấu lợi nhuận thặng dư (Bảng 14)

Bên cạnh đó, chúng tôi kết hợp sử dụng thêm phương pháp chiết khấu

lợi nhuận thặng dư để phản ánh rủi ro hệ thống và kỳ vọng dài hạn.

Kết hợp hai phương pháp định giá trên với tỉ lệ 50-50 để ra được giá hợp lý cuối cùng cho cổ phiếu BID là 46,400 đồng/cổ phiếu, cao hơn 18.6% so với giá ngày 06/09/2021.

Biểu đồ 13. Diễn biến giá và chỉ số P/B của BID giai đoạn 2016-2021



Nguồn: Fiinpro KBSV

Bảng 14. Cổ phiếu BID – Định giá phương pháp chiết khấu lợi nhuận thặng dư

Tỷ đồng	2021F	2022F	2023F
Lợi nhuận sau thuế	9,734.40	13,831.75	17,226.92
Lợi nhuận thặng dư	390.94	3,393.92	5,288.91
Chi phí vốn (r)	11.30%		
Tăng trưởng (g)	7.0%		
Giá trị cuối cùng	95,454		
Tổng giá trị hiện tại (PV)	158,845		
Giá trị cổ phiếu BID	39,494		

Nguồn: KBSV

Bảng 15. Tổng hợp các phương pháp định giá – giá mục tiêu

Phương pháp định giá	Giá dự phóng	Tỷ trọng	Giá dự phóng theo tỷ trọng
P/B	53,284	50%	26,642
Lợi nhuận thặng dư	39,494	50%	19,747
Giá mục tiêu			46,400

Nguồn: KBSV

Ngân hàng BIDV (BID) – Bảng tóm tắt KQKD & dự phóng, 2018A-2022E

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh						Bảng cân đối kế toán					
(Tỷ đồng)	2018	2019	2020	2021F	2022F	(Tỷ đồng)	2018	2019	2020E	2021F	2022F
Thu nhập lãi thuần	34,956	35,978	35,797	40,836	44,763	Cho vay khách hàng	976,334	1,102,366	1,195,240	1,321,976	1,467,394
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	90,074	100,747	100,688	100,099	115,847	Chứng khoán kinh doanh	674	6,346	10,170	3,762	4,176
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(55,118)	(64,769)	(64,891)	(59,263)	(71,085)	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý (trừ dự trữ bắt buộc)	10,508	14,117	12,294	15,293	16,976
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	3,551	4,266	5,266	5,886	6,440	Tài sản có sinh lời	1,285,204	1,458,152	1,485,093	1,582,931	1,734,458
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động khác	3,815	5,361	5,093	5,883	6,765	Tài sản cố định và tài sản khác	38,001	39,206	38,919	40,633	43,543
Tổng thu nhập hoạt động	44,483	48,121	50,037	55,511	60,965	Tổng tài sản	1,313,038	1,489,957	1,516,686	1,612,426	1,765,676
Chi phí hoạt động	(16,117)	(17,257)	(17,693)	(17,208)	(18,899)	Tiền gửi của khách hàng	989,671	1,114,163	1,226,674	1,347,868	1,496,134
LN thuần trước CF DPRRTD	28,366	30,864	32,344	38,303	42,066	Các khoản vay phải sinh, giấy tờ có giá	52,288	75,159	76,090	121,990	134,839
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(18,894)	(20,132)	(23,318)	(26,135)	(24,776)	Các khoản nợ chịu lãi	1,226,454	1,374,765	1,402,248	1,581,745	1,755,142
Thu nhập khác	5,337	6,518	7,993	9,192	10,570	Các khoản nợ khác	32,032	37,540	34,792	(55,043)	(88,483)
Chi phí khác	(1,522)	(1,157)	(2,900)	(3,309)	(3,805)	Tổng nợ phải trả	1,258,486	1,412,304	1,437,039	1,526,702	1,666,659
Tổng lợi nhuận trước thuế	9,473	10,732	9,026	12,168	17,290	Vốn điều lệ	34,187	40,220	40,220	45,100	48,510
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(1,931)	(2,184)	(1,803)	(2,434)	(3,458)	Thặng dư/vốn cổ phần	30	14,292	14,292	14,292	14,292
LNST	7,542	8,548	7,224	9,734	13,832	Lợi nhuận chưa phân phối	12,341	13,857	13,517	14,715	24,597
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(184)	(179)	(227)	(49)	(69)	Các khoản điều chỉnh vốn	-	-	-	-	-
LNST ngân hàng mẹ	7,358	8,368	6,997	9,686	13,763	Vốn chủ sở hữu	54,551	77,653	79,647	85,724	99,017

Chỉ số tài chính (%)						Định giá (đồng, X, %)					
2018	2019	2020E	2021F	2022F	2018	2019	2020E	2021F	2022F		
Khả năng sinh lời					Chỉ số về giá						
ROE	14.6%	12.9%	9.2%	11.8%	15.0%	EPS cơ bản	2,152	2,081	1,740	2,148	2,837
ROA	0.6%	0.6%	0.5%	0.6%	0.8%	Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	15,957	19,307	19,803	19,008	20,411
ROE trước dự phòng	43.8%	37.3%	32.9%	37.1%	36.4%	Giá trị sổ sách hữu hình/CP (Tangible BVPS)	14,695	18,235	18,744	18,065	19,543
ROA trước dự phòng	1.8%	1.8%	1.7%	2.0%	2.0%	Chỉ số định giá					
Biên lãi ròng (NIM)	2.8%	2.6%	2.4%	2.7%	2.7%	PER	20.1	20.8	24.9	20.2	15.3
Hiệu quả hoạt động						PBR	2.7	2.2	2.2	2.3	2.1
LDR thuần	99.9%	100.3%	99.0%	100.0%	100.0%	Tỉ lệ cổ tức	0.0%	1.8%	1.8%	1.8%	1.8%
CIR	36.2%	35.9%	35.4%	31.0%	31.0%	ROE	14.6%	12.9%	9.2%	11.8%	15.0%
Tốc độ tăng trưởng						An toàn vốn					
Tăng trưởng tổng tài sản	9.2%	13.5%	1.8%	6.3%	9.5%	Tỉ lệ an toàn vốn (CAR)	10.0%	9.3%	10.0%	>8%	>8%
Tăng trưởng cho vay khách hàng	14.1%	12.9%	8.4%	10.6%	11.0%	Chất lượng tài sản					
Tăng trưởng LN thuần trước DPRRTD	20.6%	8.8%	4.8%	18.4%	9.8%	NPL (nợ xấu nhóm 3-5)	1.9%	1.7%	1.8%	1.8%	1.8%
Tăng trưởng LNST ngân hàng mẹ	8.4%	13.7%	-16.4%	38.4%	42.1%	Độ bao phủ nợ xấu (nợ xấu nhóm 3-5)	66.2%	75.0%	89.2%	106.7%	106.7%
Tăng trưởng EPS	8.4%	-3.3%	-16.4%	23.5%	32.1%	SML (nợ xấu và nợ cầ chú ý)	4.2%	4.0%	2.9%	2.9%	2.9%
Tăng trưởng BVPS	11.7%	21.0%	2.6%	-4.0%	7.4%	Độ bao phủ nợ xấu (nợ xấu và nợ cần chú ý)	29.8%	32.9%	54.4%	66.2%	66.2%

Nguồn: Báo cáo công ty & KBSV

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

